

PHẦN I. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. Xây dựng báo cáo thống kê

Hệ thống biểu mẫu thống kê ban hành kèm theo Chế độ báo cáo thống kê thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp gồm 33 biểu và 10 phụ lục trong đó: 12 biểu mẫu thống kê hình sự, 20 biểu mẫu thống kê dân sự và biểu mẫu thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp.

1. Các biểu thực hiện trong các kỳ thống kê tháng, 6 tháng (thời điểm từ 01/12 năm trước đến 30/5 của năm báo cáo), 12 tháng (thời điểm từ 01/12 năm trước đến 30/11 của năm báo cáo):

Biểu số 01: Thống kê thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Biểu số 02: Thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố điều tra, truy tố các vụ án hình sự.

Biểu số 03: Thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 04 (mới bổ sung): Biểu Thống kê kết quả xét xử sơ thẩm hình sự đối với các bị cáo

Biểu số 05: Thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 06: Thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 07: Thống kê kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Biểu số 08: Thống kê giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố của cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 09: Thống kê kết quả điều tra các vụ án hình sự của cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 10: Thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự

Biểu số 13: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu số 14: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu số 15: Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 16: Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu số 17: Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu số 18: Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 19: Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu số 20: Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu số 21: Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 22: Thông kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Biểu số 23: Thông kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo thủ tục xem xét lại đơn đề nghị, kháng nghị

Biểu số 24: Thông kê kết quả tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn trong hoạt động tư pháp.

Biểu số 25: Thông kê kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát.

Biểu số 26: Thông kê giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát

Biểu số 27: Thông kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

Biểu số 28: Thông kê kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính

Biểu số 29: Thông kê kiểm sát trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Biểu số 30: Thông kê kiểm sát trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Biểu số 31: Thống kê kiểm sát trình tự, thủ tục xem xét giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Biểu số 32: Thống kê kiểm sát trình tự, thủ tục xem xét giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc hoãn miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Biểu số 33: Thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp.

2. Các biểu chỉ thực hiện trong kỳ thống kê tháng:

Biểu số 33: Thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp.

Phụ lục số 01: Danh sách những người bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt tử hình.

Phụ lục số 02: Danh sách những người bị Tòa án tuyên phạt tử hình đã thi hành án, trốn, chết.

Phụ lục số 03: Danh sách những người bị Tòa án phúc thẩm tuyên phạt tử hình.

Phụ lục số 04: Danh sách những người bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt tử hình đã được xét xử phúc thẩm.

Phụ lục số 05: Danh sách những người đã bị tuyên phạt tử hình mà Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên đình chỉ vụ án hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại.

Phụ lục số 06: Danh sách những người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định của Chủ tịch nước.

Phụ lục 07: Danh sách CQĐT đình chỉ do không phạm tội.

Phụ lục 08: Danh sách VKS đình chỉ do không phạm tội.

Phụ lục 09: Danh sách Tòa sơ thẩm tuyên không phạm tội.

Phụ lục 10: Danh sách Tòa phúc thẩm tuyên không phạm tội.

3. Các biểu chỉ thực hiện trong kỳ thống kê 6 tháng (thời điểm từ 01/01 đến 30/6 của năm báo cáo), 12 tháng (thời điểm từ 01/01 đến 31/12 của năm báo cáo):

Biểu số 11: Thống kê số vụ án và bị can đã khởi tố.

Biểu số 12: Thống kê số vụ án và bị can đã truy tố.

II. Một số nguyên tắc chung.

1. Nguyên tắc thống kê theo tội danh

- Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án.

- Nếu bị can bị khởi tố, truy tố; bị cáo bị xét xử về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can, bị cáo được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.

- Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự.

Các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng là căn cứ để thống kê. Vì vậy, tội danh của vụ án, bị can, bị cáo ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được thống kê theo tội danh ghi trong các quyết định do cơ quan có thẩm quyền ban hành tương ứng với từng giai đoạn tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử).

2. Nguyên tắc thống kê “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến”:

- “Số chuyển đi nơi khác” là thống kê số vụ án, số việc, số bị can, bị cáo, số tạm giữ, tạm giam, thi hành án ... chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- “Số nơi khác chuyển đến ” là thống kê số vụ án, số việc, số bị can, bị cáo, số tạm giữ, tạm giam, thi hành án do nơi khác chuyển đến để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

Khi thống kê tiêu chí “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến” cần lưu ý:

+ Đây là những tiêu chí độc lập, vì vậy khi nhận từ nơi khác chuyển đến (vụ án, việc, bị can, người bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án....) các đơn vị chỉ thống kê vào dòng “Số nơi khác chuyển đến” mà không cộng số liệu này vào dòng số mới hoặc số còn lại. Khi chuyển đi nơi khác (vụ án, việc, bị can, người bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án....) các đơn vị chỉ thống kê vào dòng “Số chuyển đi nơi khác” mà không trừ số liệu này ở các dòng số cũ hoặc số mới.

+ Tiêu chí “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến” được hiểu là chuyển đi nơi khác và nơi khác chuyển đến trong cùng giai đoạn tố tụng để giải quyết theo thẩm quyền (điều tra chuyển điều tra, truy tố chuyển truy tố, xét xử chuyển xét xử...). Do vậy, nếu sau khi kết thúc giải quyết ở một giai đoạn tố tụng và được chuyển sang giải quyết ở giai đoạn tố tụng kế tiếp theo quy định của Bộ luật tố tụng thì không được coi là “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến” nên không thống kê vào 2 dòng này.

3. Nguyên tắc thống kê số tạm đình chỉ

- “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” hoặc “Số vụ, việc tạm đình chỉ được Tòa án ra quyết định giải quyết trong kỳ thống kê” là tiêu chí độc lập không nằm trong số còn lại của kỳ trước.

- Đối với những trường hợp (vụ án, việc, bị can) đã ban hành quyết định tạm đình chỉ nhưng ngay trong kỳ thống kê đó lại có quyết định phục hồi thì không thống kê số liệu này vào hai dòng “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” và “Số tạm đình chỉ trong kỳ thống kê”.

- “Số tạm đình chỉ trong kỳ thống kê” không nằm trong “Số đã giải quyết xong” và không nằm trong “Số còn lại cuối kỳ chưa giải quyết”.

4. Nguyên tắc thống kê số tổng thụ lý

Do biểu mẫu mới bổ sung thêm dòng “Số nơi khác chuyển đến” và “Số chuyển đi nơi khác”, đồng thời tách số “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” ra thành tiêu chí độc lập mà không nằm trong số còn lại của kỳ trước như hướng dẫn trước đây. Vì vậy tổng số được tính như sau:

Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ + Số mới + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác.

Đối với những biểu mẫu không có tiêu chí “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” thì tổng số được tính như sau:

Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới + Số nơi khác chuyển đến – Số chuyển đi nơi khác.

Đối với những biểu mẫu không có tiêu chí: Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ; Số nơi khác chuyển đến; Số chuyển đi nơi khác thì tổng số được tính như sau: **Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới**

5. Nguyên tắc thống kê tách, nhập vụ án:

Trong biểu mẫu không có các tiêu thức “tách”, “nhập”; khi xuất hiện các trường hợp này thì tăng hoặc giảm số lượng án phải giải quyết thuộc số cũ hoặc số mới, cụ thể như sau:

Tách vụ án:

Nếu 1 vụ án thuộc số cũ được tách thành n vụ thì sẽ tăng thêm (n-1) vụ vào số cũ; nếu 1 vụ án thuộc số mới được tách thêm n vụ thì tăng thêm số mới (n-1) vụ. Ví dụ: 1 vụ được tách thành 3 vụ (n=3) thì số vụ được tăng thêm là (3-1=2);

Nhập vụ án:

Nhập cũ vào cũ, mới vào mới: nếu nhập n vụ với nhau thì số vụ sẽ giảm đi $(n-1)$ vụ tương ứng (cũ giảm cũ, mới giảm mới); Ví dụ: 3 vụ cũ ($n=3$) nhập làm 1 vụ thì số vụ cũ giảm ($n-1=3-1=2$) vụ;

Nếu nhập n vụ cũ vào 1 vụ mới thì số vụ cũ giảm đi n vụ, số vụ mới không đổi; ngược lại, nếu nhập n vụ mới vào 1 vụ cũ thì số vụ mới giảm đi n vụ, số vụ cũ không đổi (tổng số giảm n vụ);

Nếu nhập n vụ cũ vào m vụ mới làm một vụ mới thì số vụ cũ giảm n vụ, số vụ mới giảm $m-1$ vụ, tổng số vụ giảm $n+m-1$ vụ; ngược lại, nếu nhập n vụ mới vào m vụ cũ làm một vụ cũ thì số vụ mới giảm đi n vụ, số vụ cũ giảm $m-1$ vụ, tổng số vụ giảm $n+m-1$ vụ.

6. Nguyên tắc thống kê đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Việc thống kê đối với pháp nhân thương mại phạm tội được thực hiện giống như đối với cá nhân phạm tội ở tất cả các tiêu chí như: Thống kê số vụ án, bị can, tội danh, tạm đình chỉ... Tuy nhiên, do là pháp nhân thương mại phạm tội nên không phải thống kê các tiêu chí như: Dân tộc, độ tuổi, giới tính.